

Sở hình thành của A-T-Đ-ma

Hòa thượng Thích Thiện Siêu

---o0o---

Ba tạng: Tu đà la tạng (Sutra Pitaka), Tạng da tạng (Vinaya Pitaka), A-t-đ-ma (Abhidharma Pitaka) tạng. Chữ *A-t-đ-ma* là từ tiếng Phạn các luận tạng của các bộ phái, chữ không dùng cho các luận tạng Đại thừa. Abhidharma, Trung Hoa dịch âm là A-t-đam, A-t-đ-ma, và dịch nghĩa là Vô tướng pháp, Thế gian pháp, Đại pháp.

A. ĐỊNH NGHĨA

Nguyên trong kinh A-hàm đức Phật dùng chữ A-t-đ-ma với dụng ý tán mĩ các pháp nghĩa thâm huyền, rằng luận không gì sánh kịp, đến đến nó biến chuyển qua nhiều nghĩa bởi các luận sở của các bộ phái. Như luận sở Bà sa thì gọi A-t-đ-ma là Phàm pháp, vì nó hàng phục đức Phật càn tà thuyết của ngoại đạo. Hóa đọa bực gọi là Chiếu pháp, vì nó có khả năng chiếu soi tất cả tính tướng các pháp. Thí dụ sở thì gọi là Thế pháp, vì Niết bàn là thế tướng, nó đối pháp Niết bàn mặt bực. Chính lý sở thì gọi là Thông pháp, vì nó có khả năng thấu đạt tất cả khả kinh. Hiệp Tôn Giáo thì gọi là Cưu kính tu, Quyết đoán tu v.v... đến ngài Thế Thân thì gọi là Đại pháp với hai nghĩa là đại hống và đại quán. Đại là đại di hống tướng. Đại di hống tướng Niết bàn gọi là Đại hống Niết bàn và đại di hống quán sát pháp Thế giới gọi là Đại quán. Pháp của Phật dạy không ngoài hai thế là pháp Vô lậu thế gian nghĩa (Niết bàn) và pháp Hữu lậu pháp thế gian. Trí tuệ quán sát pháp thế gian và chứng nhập Niết bàn thì gọi là Đại pháp trí hay A-t-đ-ma.

Đ-ma (Dharma) dịch là Pháp có nghĩa là tướng lý tính cách nó (nhóm trì tính) và làm mẫu mực phát sinh cho sự nhận biết (quán sinh vật giới).

Đ-t-ma tức Dharma tức căn Dhri (giới, lìa, mang) tức là cái đ-c-n-m-gi, hay lý-t-đ-ng-n-u-gi-i h-n ý nghĩa nó trong tác v- tâm lý. Trình đ- tâm lý sai bi-t tùy s- ti-p-nh-n-c-a-m-i cá-th-:

1. đ-c-Ph-t, đó là s- toàn giác hay viên mãn giác (B-đ-).
2. Lý-t-đ-ng-di-n-t- trong ngôn-t- là giáo lý giáo pháp.
3. Lý-t-đ-ng-đ- ra cho đ- t- theo là lu-t-nghi, đ-c lý, c-m-gi-i.
4. Lý-t-đ-ng-đ- ch-ng-ng- s- là nguyên lý, chân lý, b-n-tính, lu-t-t-c, đ-i-u-ki-n.
5. Lý-t-đ-ng-th- hi-n trong m-t ý nghĩa-t-đ-ng- quát đó là s- th-t-th-c-t-i, s- ki-n, s- th-, y-u-t-, (b- t-o hay không b- t-o), tâm và v-t, ý-th- và hi-n-t-đ-ng. Trong tr-ng-h-p-phái-duy-th-t-c-a-các-lu-n-s- A-t- đ-t-ma, ch- Đ-t-Ma đ-c dùng-nh-i-u-nh-t-theo-nghĩa-th- năm-này.

A-t- t-c-Abhi (ti-p-đ-u-ng-) có nghĩa là h-n-th-, nói-v-. Nh-v-y-Abhidharma, có nghĩa là pháp-t-i-th-ng, hay là "Th-ng", hay tr-n-thu-t-v- pháp. Ngài Buddhagosa (Ph-t-Âm, Ph-t-Minh) trong Na-t-m-n-già-la-Y-l-p-hy-ni (sách-gi-i-thích-Digha-Nikaya-Tr-ng-B-) đ-n-bài-t-ng: "Có pháp-tăng-th-nh-đ-c-th-, tôn-tr-ng, nói-rõ, t-i-th-ng, th-g-i-là-A-t- đ-t-ma". Nh-v-y-nó-r-t-ráo-có-hai-đ-i-m. V-n-i-dung-th- ý-nghĩa-th- th-ng, v-ph-ng-pháp-lu-n-c-u-th- t-ng-t-n-khúc-chi-t. Ngài Ph-t-Âm còn nói: "Trong kinh, pháp-ngũ-u-n-ch- đ-c-thuy-t-minh-m-t-cách-đ-i-khái-ch- không-đi-sâu-vào-chi-ti-t, còn trong A-t- đ-t-ma thì phân-bi-t-kinh, phân-bi-t-lu-n, phân-bi-t-v-n-đáp, nên pháp-ngũ-u-n-đ-c-thuy-t-minh-m-t-cách-c-n-k- đ-y-đ-".

Lu-n-Đ-i-Trí-Đ- nói: "A-t- đ-t-ma là gì? Đáp: Là đ-i-v-n-mà-đáp, hoàn-toàn-là-hình-th-c-lu-n-c-u, nêu-ra-nh-i-u-m-t-đ- phân-bi-t, nh- nói-v- 18-gi-i, thì phân-bi-t-cái-nào-có-s-c, cái-nào-không-s-c? Cái-nào-có-th- th-y, cái-nào-không-th- th-y? Cái-nào-h-u-l-u, cái-nào-vô-l-u? Cái-nào-thi-n, cái-nào-b-t-thi-n? Cái-nào-h-u-báo, cái-nào-vô-báo? v.v... nh- th-g-i-là-A-t- đ-t-ma".

L-i-nh-b-y-ki-t-s- là đ-c-nhi-m, sân-nhu-, h-u-ái, kiêu-m-n, vô-minh, ki-n, nghi (Kinh-M-t-Hoàn-D-s- 115, Trung-A-hàm) trong đó cái-nào-là-đ-c-gi-i-h- (trối-bu-c- c-i-D-c)? Cái-nào-là-s-c-gi-i-h-? Cái-nào-vô-s-c-gi-i-h-? Cái-nào-ki-n-đ- đ-o-n? Cái-nào-t- duy-đ-o-n? Cái-nào-bi-n-s-? Cái-nào-b-t-bi-n-s-? v.v...

Ngài-Chân-Đ- và ngài-Huy-n-Trang-đ-u-đ-ch-Abhidharma-là-Đ-i-pháp, có-nhi-m-v- t-p-h-p-các-pháp-nghĩa-l-i-r-i-đem-ra-phân-lo-i, đ-nh-nghĩa, gi-i-thích và phân-bi-t. Đ-i-pháp-có-hai-là-Đ-i-quán-lý-T-đ- và Đ-i-h-ng-qu- Ni-t-bàn. Nh-v-y-không-th- hi-u-Abhi, A-là-vô, Bhi-là-t- m-t-cách-máy-móc-đ-c.

B. NGUỒN GỐC CỦA A-TI-ĐẠT-MA

Nó đã bao gồm trong sự thuyết pháp của Đức Phật. Đức Phật thuyết pháp một cách ứng dụng thực tế. Lui Phật nói đến giới mình biết không có gì bí mật. Phật đã phân biệt và phân loại một cách rõ ràng. Như vậy nguồn gốc của A-ti-đạt-ma xuất phát từ Phật.

C. QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN LUẬN THẠ A-TI-ĐẠT-MA

1. Thời kỳ 1: Luận thư còn giữ hình thức kinh. Trong thời kỳ 100 năm sau Phật Niết bàn, chúng ta chia kinh luận như kinh A-hàm còn truyền đến ngày nay là do học phong của Giáo hội Tăng đoàn mà đức Phật chế nh lý và A-ti-đạt-ma hóa, cho nên trong đó có những kinh mang nhiều sắc thái như luận, như kinh Tăng Nhứt, Tập A-hàm, kinh Thập Ký trong Trường A-hàm và Phân Biệt Bộ trong Trung Bộ, kinh Chúng Tập trong Trường Bộ.

2. Thời kỳ 2: Luận thư giữ thích nghĩa kinh. Luận kinh làm bài như để nghĩa, phân loại, phân biệt, giữ thích những điều đã nói trong kinh chúng ta phát huy và để gì để các sắc để các lớp, như Vô Ngã và Đạo Luận của Phật Âm, Ma-ha-ni-luật-sa, Câu-lớp-ni-luật-sa trong Tiểu Bộ hay như Hán dịch Pháp Uẩn Túc Luận, Tập Đôn Môn Túc Luận.

3. Thời kỳ 3: Luận thư tiến tới để các lớp. Thời kỳ này Luận thư không còn bàn giữ nghĩa kinh mà luận thuyết để các của các kinh tập hợp lại rồi phân loại một cách riêng biệt và theo một tiêu chuẩn để phân biệt tính chất các để các ý, nội dung đến đến bao hàm các vấn đề sự thật để các lớp học và kinh luận. Đó là thời kỳ xuất hiện bộ luận của Phật giáo Nam phương và Đại Tỳ-bà-sa luận của Hữu bộ, Thành Thuyết luận của Kinh bộ.

4. Thời kỳ 4: Là thời kỳ Luận thư công khai ý. Các luận thư A-ti-đạt-ma phát huy giáo nghĩa của các bộ phái khi đã phát triển thì các phái cái nên quá nhiều, khó học hỏi nên đòi hỏi phải có các luận thư tóm tắt. Bộ luận thư tóm tắt ý ra để để ưu tiên là bộ A-ti-đạt-ma Tâm Luận của Pháp Thế ng (Đạt-ma-thi-la), đến Tập A-ti-đạt-ma Tâm Luận của Pháp Cưu, học trò Pháp Thế ng, rồi đến Câu xá luận của ngài Thế Thân, Thanh Tịnh Đạo luận của ngài Phật Âm, Luận A-ti-đạt-ma Nghĩa Tập của ngài An-u-lâu-đa. Hai bộ sau này thuộc Thế ng và bộ Tích Lan.

Tóm lại, phương pháp xử lý vấn đề của các A-tỳ-đạt-ma là trình bày nó hoàn toàn phụ thuộc vào kinh, chỉ có kinh là có quy định chung tuy nhiên. Rồi đến đến từ việc giải thích từng một câu kinh tiến lên thuyết minh toàn thể từng một đề mục gói gém trong các câu kinh, trong số tiến bộ đó nó đã nảy sinh ra thái độ phê phán từng một trong kinh, cho đến khi không còn bộ kinh chỉ phôi, thậm chí không tôn trọng kinh bằng lòng. Luận Đề i Tỳ bà sa cuốn 5 nói: "Nếu có khi không chấp nhận câu kinh mà không đặt quan chân lý nó thì người ấy là 'Trần cẩu văn Sa môn' ". Đó là thái độ của Hưu-bà-lỵ A-tỳ-đạt-ma làm trung tâm. Và theo ngài Chân-Đồ thì Kê-Dân-Bà còn cho rằng: "Kinh luật chung qua chỉ là phương tiện, còn đặt nhất nghĩa để chính thức niệm trong A-tỳ-đạt-ma". Như vậy A-tỳ-đạt-ma đã có chỗ để có không giải kinh. Chúng ta, người kinh chú trọng giá trị chung theo chủ trương "chuyển mê khai ngộ" cho nên nên đi tìm gì không thì giúp cho việc chuyển mê khai ngộ thì để Phật qua không nói đến. Trong những Pháp môn Ngài dạy để chuyển mê khai ngộ, Ngài chỉ dạy những đi tìm và để hiểu để tu hành, những đến A-tỳ-đạt-ma thì chuyển sang chú trọng nghiên cứu vấn đề sự thật. Thay vì xử lý các vấn đề tu dưỡng trình độ, thì A-tỳ-đạt-ma lại lo thuyết minh một cách tinh tế và sự thật liên quan đến nhân sinh vũ trụ trình độ rồi sau mới để cập vấn đề tu dưỡng. Chú ý các luận sư A-tỳ-đạt-ma tuy không coi trọng vấn đề tu dưỡng nhưng muốn xác lập lý tưởng tu dưỡng thì trình độ phải xác định sự thật.

Sau hết, nhìn vào phạm vi phân chia các vấn đề của xét số bất định giữa mới và cũ. Lúc đầu A-tỳ-đạt-ma chỉ luận về những đề mục để thù địch thì đến đến, trí tuệ... Những trong quá trình tiến bộ liên tục nó đã lấy việc thuyết minh các đề mục đó một cách hệ thống làm nhiệm vụ và để tránh khó khăn nó lại chia các vấn đề đó ra thành bộ môn (chủ môn phân biệt). Do đó mới có nhu cầu luận thế, và sau cùng để tiến về các học hỏi lại có các luận thế của người xưa lại.

D. CÁC LUẬN THẠCH A-TỠ ĐẠT-MÀ

1. Pháp Tỳ Luận (Dhamma Sanghani)
2. Phân Biệt Luận (Vibhanga)
3. Giải Thuyết Luận (Dhatu Katha)
4. Nhân Thi Thiệt Luận (Pudgala Pannati)
5. Song Đề Luận (Yamaka)
6. Pháp Trí Luận (Patthana)
7. Thuyết Sơ Luận (Kathavasthu)

Ngoài bảy luận thư của bộ này còn có các luận thư được sáng tác tiếp theo:

- Thanh Tịnh Đạo Luận (Visudhimagga) của ngài Phật Âm thế kỷ V TL, có giá trị như một bộ bách khoa toàn thư Phật giáo, tính chất tổng hợp đúng nghĩa Câu xá Luận đời vua Hui b. Đây là sách tiêu chuẩn của tân Thế gian gia.

- Trạng ngữ Tịnh Kinh Chú Sĩ (Sumangala Vilasini), sách giải thích Trạng ngữ Tịnh Kinh (Trạng ngữ Bồ Kinh).

- Attha Salina, sách chú thích bộ Luận Pháp T.

- Ngũ Thụ Thuật Nghĩa (Panca-Pakarana Atthokattha): Năm sách Chú s. Giải pháp t.

Sau ngài Phật Âm có nhiều tác phẩm ra đời, trong đó có giá trị nhất là bộ A-t-đt-ma Nghĩa Tịnh Luận (Abhidharmattha Sangaha - H.T. Minh Châu dịch. Thế gian Pháp Tịnh Y) này do ngài Anuruddha (Anuruddha) viết thế kỷ VIII T.L. Đây là bộ sách ngắn gọn toát yếu giáo nghĩa Phật giáo, làm sách ch. của Phật giáo Nam phương, với những giải thích xác đáng rõ ràng giáo nghĩa của Thế gian gia nên nhiều người đã dùng nó thay cho Thanh Tịnh Đạo Luận.

E. CÁC LUẬN THƯ CỦA HUI B

1. Pháp Uẩn Túc Luận (Dharma Skandha): 12 cuốn, do Đề i Mục Kiến Liên (Mahamogalyayana), có thuyết nói do Xá lị viết lúc Phật tại thế.

2. Tịnh Độ Môn Túc Luận (Sangti paryaya pada) do Xá lị viết lúc Phật tại thế (20 cuốn).

3. Thi thiệt Túc Luận (Prajnapti): Do Ca Chiên Diên (Kaiyaya) viết lúc Phật tại thế, chưa được ra Hán văn.

4. Thập Thân Túc Luận (Vijnanakaya): 16 cuốn do Đề Bà Thiệt Ma (Devasarman) viết sau Phật Niết bàn 100 năm.

5. Phạm Loại Túc Luận (Ptrakarama): 18 cuốn do Thập Hưu viết sau Phật Niết bàn 300 năm, cũng được là Chúng Sư Phạm A-tỳ đàm Luận.

6. Giới Thân Túc Luận (Dhatukaya): 3 cuốn do Thập Hưu viết sau Phật Niết Bàn hơn 300 năm (có trước c Đề Bà Sa. Có giá trị nhất trong các luận khác thời đó. Sau đó thì thay thế nhau mà gom lại thành Giới Thân Túc Luận)

7. Phát Trí Luận (Janna Prasthana, A-tỳ đàm Bát kiến đơ Luận): 20 cuốn do Ca chiên diên tử (Katyayaniputra - Ca na diên ni tử) viết sau Phật Niết bàn 300 năm.

Bây giờ luận này, bộ Phát Trí gọi là Thân Luận, còn sáu bộ kia gọi là Túc Luận, vì nó là chủ đề cho luận Phát Trí được thành, và vì nghĩa lý chứa đựng trong nó ít ỏi không bằng nghĩa lý trong Phát Trí Luận rộng hơn. Trong đó ba bộ viết ra lúc đức Phật còn tại thế, bốn bộ viết ra sau khi Phật Niết bàn. Ngoài bảy bộ luận của bốn này, Hưu bộ còn có các luận thơ đơ quơng diên nghĩa lý các bộ trên như:

- Luận Đề Bà Sa (Mahavibhasa) 200 cuốn, là kết quả của Đề Bà Hi Kiết tập luận thơ vào giữa thế kỷ II T.L. tại Ca thiếp di la (Kashmir, K-Tân) do các ngài Thập Hưu, Diêu Âm, Giác Thiên, Pháp Cưu, Hiếp Tôn Giả chủ trì với sự ủng hộ từ bên ngoài của vua Ca na sực ca (Kaniska). Bộ này quơng diên giáo nghĩa của luận Phát Trí.

- A-tỳ đàm Tâm Luận (Abhidharmahridaya) do Pháp Thiệt ng (Đệ tử ma thi la) tập vào thế kỷ VI sau

Phật Niết bàn (đầu thế kỷ III T.L.), toát yếu Đại Tỳ Bà Sa Luận.

- Tập A-tỳ-đàm Tâm Luận (Samyutara Abhidharmahridaya) do đức thầy của ngài Pháp Thế Ng là Pháp Cưu (Tăng già bát ma) soạn vào thế kỷ VII sau khi Phật diệt độ (đầu thế kỷ IV T.L.) nhằm làm rõ nghĩa trong A-tỳ-đàm Tâm Luận, vì cho A-tỳ-đàm Tâm Luận quá gìn gợn.

- Câu xá Luận (Abhidharma Kosa) do Thế Thân (Vasubhandhu) soạn vào 900 năm sau Phật diệt độ (đầu thế kỷ V T.L.), 30 cuốn.

- Thuần Chính Lý Luận: 80 cuốn, do Chúng Hiền đứng thế Thế Thân soạn, nhằm bác bỏ Câu xá.

- Hiền Tông Luận: 40 cuốn do Chúng Hiền soạn, nhằm nêu bật tông nghĩa của Hữu bộ.

- Kinh Lăng Ng B - Có Thành Thế Luận 20 cuốn.

F. CÁC LUẬN THÌ DO AI NÓI?

Theo ngài Phật Âm trong Nam phật ngữ Phật giáo thì cho rằng, sau khi thành đạo, đức Phật ngài duy duy chỉ có Bồ đề, và về sau trong các buổi thuyết pháp cho thân mẫu trên cung trời Đao Lợi, chính đức Phật đã nói sáu bộ luận đầu trong sáu bộ luận thuộc Thế Ng tạng. Sáu luận thế này đã được hình thành thế Đại hội Kiết tập lần ba, còn bộ Luận Sở thế bày do Mục kiên liên tập soạn ra khoảng 200 năm sau Phật Niết bàn, nhưng cũng do ngài Phật chú ký mà làm, nên về quan hệ về đức xem như do chính Phật nói. Trái lại, về phía Bắc phật ngữ Phật giáo thì cho rằng các luận thế A-tỳ-đàm không phải do Phật nói mà là do các đức Phật nói trong các thế gian khác nhau, hoặc trong lúc Phật thế thế, hoặc sau khi Phật Niết bàn. Quan điểm của Bắc phật ngữ sát với thế thế thế.

HT Thích Thế n Siêu

(Trích: " Đại tạng Luận Câu Xá ", Viện Nghiên Cứu Phật Học VN, 1992)

Nguồn: QuangDuc.com